TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÀNG LONG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 43/2022/QĐST-DS	*Càng Long, ngày 04 tháng 5 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 22 tháng 4 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 58/2022/TLST-DS, ngày 27 tháng 01 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*:

1. Ông Nguyễn Văn Y, sinh năm 1968
2. Bà Trần Thị M, sinh năm 1970

Người đại diện hợp pháp của ông Yên: bà Trần Thị M, sinh năm 1970

Cùng nơi cư trú: ấp P, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Theo văn bản ủy quyền ngày 14/3/2022)

- *Bị đơn*:

1. Anh hàn Vũ K, sinh năm 1980
2. Chị Phạm Thị Bé N, sinh năm 1985

Cùng nơi cư trú: ấp P, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về số tiền phải trả: Anh Hàn Vũ K, chị Phạm Thị Bé N tự nguyện trả cho ông Nguyễn Văn Y, bà Trần Thị M số tiền vay còn nợ là 83.400.000 đồng *(Tám mươi ba triệu, bốn trăn nghìn đồng)*. Bà M và là đại diện theo ủy quyền của ông Y thống nhất nhận số tiền do anh K, chị N trả.

Về thời gian trả: Bà Trần Thị M và là đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn Y và anh Hàn Vũ K, chị Phạm Thị Bé N tự nguyện thỏa thuận do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long giải quyết theo quy định của pháp luật Thi hành án dân sự.

Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị M và đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn Y tự nguyện chịu 1.042.500 đồng *(Một triệu, không trăm, bốn mươi hai nghìn, năm trăm đồng)* nhưng trừ vào 2.009.000 đồng *(Hai triệu, không trăm, lẽ chín nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 0008445 ngày 26/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C thu, hoàn trả lại ông Nguyễn Văn Y, bà Trần Thị M số tiền chênh lệch 966.500 đồng *(Chín trăn, sáu mươi sáu nghìn, năm trăm đồng)*. Anh Hàn Vũ K, chị Phạm Thị Bé N tự nguyện chịu 1.042.500 đồng *(Một triệu, không trăm, bốn mươi hai nghìn, năm trăm đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
Nguyễn Thị Trang
Đã ký